

Số: 76/2013/QĐ-HĐQT-VINGROUP

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Ban hành Quy chế quản trị của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”);
- Căn cứ chức năng, quyền hạn của HĐQT và Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vingroup.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản trị công ty của Tập đoàn Vingroup

Quy chế này thay thế Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Vincom ban hành theo Quyết định của Hội đồng quản trị số: 11/2010/QĐ-HĐQT-VINCOM JSC ngày 29/5/2010.

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, đơn vị có liên quan của Tập đoàn Vingroup chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VP Tập đoàn Vingroup.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM NHẬT VƯỢNG

Handwritten mark

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

8003

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định của HĐQT số 16/2013/QĐ – HĐQT-VINGROUP
ngày 16/8/2013)*

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

78

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị công ty (“Quy Chế”) của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn”) được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26/7/2013 (“Thông tư 121/2012”) và Điều lệ của Tập đoàn ban hành ngày 8/6/2013 (“Điều Lệ”).

Quy Chế được xây dựng nhằm đảm bảo cho Tập đoàn được điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết cho Tập đoàn.

Điều 2. Định nghĩa

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Tập đoàn**” là gọi tắt của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP.

“**Quản trị công ty**” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tập đoàn được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tập đoàn.

“**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là Đại Hội Đồng Cổ Đông của Tập đoàn.

“**HĐQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tập đoàn.

“**Cán bộ quản lý**” có nghĩa là các cán bộ giữ các vị trí Phó TGD, Kế Toán Trưởng, và các vị trí khác trong Tập đoàn được HĐQT xác định tại từng thời điểm.

“**BKS**” có nghĩa là Ban Kiểm Soát của Tập đoàn.

“**TGD**” có nghĩa là Tổng giám đốc của Tập đoàn.

2. Trong Quy chế này các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị công ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông.
3. Đối xử công bằng đối với cổ đông.
4. Đảm bảo không xung đột quyền lợi với những người có liên quan.
5. Minh bạch trong hoạt động của Tập đoàn.
6. HĐQT lãnh đạo và quản lý Tập đoàn có hiệu quả.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là:

- a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và quyết định của ĐHĐCĐ;
- b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tập đoàn có các loại

- cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;
- c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tập đoàn;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (nếu có áp dụng);
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Tập đoàn.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.
 3. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 4. HĐQT thực hiện việc liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn bằng những hình thức và cách thức phù hợp.

Điều 5. Hợp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Tập đoàn quy định trong Điều Lệ và/hoặc Quy chế nội bộ về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
 - b. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - c. Cách thức bỏ phiếu;
 - d. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Tập đoàn phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
 - e. Thông báo kết quả bỏ phiếu;
 - f. Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Ghi Biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - h. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - i. Thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng;
 - j. Các vấn đề khác.
2. HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ. Tập đoàn phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.
4. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.
5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Tập đoàn cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ.
6. Hàng năm, Tập đoàn phải tổ chức họp ĐHĐCĐ. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
7. Tập đoàn quy định trong Điều Lệ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 6. Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS

Hàng năm, HĐQT và BKS phải lập báo cáo hoạt động trình ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên. Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS có tối thiểu các nội dung quy định tương ứng tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư 121/2012.

CHƯƠNG III
CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (7) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ của Tập đoàn. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Tập đoàn quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

Điều 8. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều Lệ cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tập đoàn. Điều Lệ quy định tiêu chuẩn của thành viên HĐQT song các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh TGD điều hành, trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên.

Điều 9. Thành phần HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành và các thành viên độc lập, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ. Việc bầu mới thành viên HĐQT thay thế phải được thực hiện tại lần thông qua quyết định của ĐHCĐ gần nhất.

Điều 10. Quyền của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều Lệ, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.

Điều 11. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tập đoàn.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Công bố cho Tập đoàn các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn.
5. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Tập đoàn phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hợp HĐQT

Các quy định về triệu tập cuộc họp HĐQT, điều kiện tổ chức họp và cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều 31, Điều Lệ.

Điều 13. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý

Việc lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý của Tập đoàn được thực hiện phù hợp với Điều Lệ.

Điều 14. Thư ký Tập đoàn

HQĐT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm Thư ký Tập đoàn với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể miễn nhiệm Thư ký Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều trợ lý Thư ký Tập đoàn tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tập đoàn bao gồm:

- a. Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;
- b. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.

Thư ký Tập đoàn có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 15. Quy trình, thủ tục phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban Giám đốc

1. Thông báo về hoạt động của HĐQT:
 - a. Chương trình, nội dung và dự thảo Nghị Quyết các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT.
 - b. Các Nghị Quyết của HĐQT được gửi đến Ban giám đốc và đồng thời gửi đến BKS.

2. Hoạt động giám sát của BKS:

BKS có quyền nhận và yêu cầu cung cấp:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT đến các thành viên BKS.
- b. Biên bản, Nghị Quyết của HĐQT.

- c. Báo cáo của TGD.
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.
- e. Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng/lần.
- f. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

BKS có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Tập đoàn. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.

3. Thủ tục thông báo:

- a. Tài liệu của HĐQT, TGD được gửi đến Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm gửi đến các thành viên HĐQT.
- b. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Ban giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

CHƯƠNG IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Thành viên BKS

Thành viên BKS là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều Lệ cấm làm thành viên BKS. Thành viên BKS phải là những người có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để thực hiện các chức năng của mình. Thành viên BKS được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ và sẽ có nhiệm kỳ là năm (5) năm. Việc tái bổ nhiệm thành viên BKS phải được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của BKS

Thành viên BKS sẽ có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 38.2 Điều Lệ.

Điều 18. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của BKS

Thành viên BKS có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tập đoàn, kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tập đoàn, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tập đoàn vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. Các thành viên HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS.

Thành viên BKS có tính độc lập trong hoạt động và quá trình thực thi các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

CHƯƠNG V

HỆ THỐNG KIỂM TRA NỘI BỘ VÀ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH

Điều 19. Chức năng nhiệm vụ của hệ thống kiểm tra nội bộ

Tập đoàn, tùy theo điều kiện cho phép, sẽ thiết lập hệ thống kiểm tra nội bộ độc lập nhằm mục đích thực hiện các mục tiêu cụ thể sau đây:

- 1. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn lực trong quá trình hoạt động tại Tập đoàn.
- 2. Bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời.

3. Bảo đảm tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Tập đoàn.

Điều 20. Chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát tài chính

1. Xây dựng và trình TGD duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất về kiểm tra nội bộ.
2. Trực tiếp hoặc phối hợp với BKS tiến hành kiểm tra công tác quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn.
3. Rà soát hệ thống các quy định về quản lý tài chính nội bộ, phát hiện các sơ hở, bất hợp lý để kiến nghị bổ sung, sửa đổi.
4. Chủ trì, phối hợp với Phòng Kế toán lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để TGD phê duyệt.
5. Định kỳ phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả từng mặt công tác, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ tài chính, kế toán.
6. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra Phòng kế toán Tập đoàn và tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

CHƯƠNG VI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TẬP ĐOÀN

Điều 21. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, TGD và các cán bộ quản lý khác

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Cán Bộ Quản Lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tập đoàn vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Cán Bộ Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tập đoàn mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Thành viên của HĐQT phải thông báo cho HĐQT về bất kỳ hợp đồng nào được ký kết bởi và giữa thành viên HĐQT đó hoặc Người Có Lợi Ích Liên quan của thành viên HĐQT đó và Tập đoàn. Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, khi HĐQT được thông báo về các hợp đồng liên quan, các hợp đồng đó có thể tiếp tục nếu được đa số các thành viên khác của HĐQT đồng ý. Tuy nhiên, các thành viên của HĐQT sẽ cần phải bảo đảm rằng bất kỳ xung đột lợi ích nào cũng sẽ được điều hòa một cách thích hợp.
4. Khi cần thiết, Tập đoàn được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Cán Bộ Quản Lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, và giao việc này cho HĐQT quyết định phù hợp với Khoản a, Điều 5 dưới đây.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tập đoàn với các đối tượng quy định tại Điều 120, khoản 1 Luật Doanh Nghiệp sẽ không bị vô hiệu, nếu:
 - a. Được HĐQT chấp thuận đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tập đoàn. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên HĐQT; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Tập đoàn dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp

đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- b. Được ĐHĐCĐ chấp thuận đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tập đoàn. Trong trường hợp này, HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 5, Điều 21 của Quy chế này. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc TGD có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tập đoàn các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
7. Thành viên HĐQT, TGD, Cán Bộ Quản Lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tập đoàn hoặc Công ty con của Tập đoàn vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 22. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tập đoàn phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
2. Tập đoàn có hệ thống các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tập đoàn và gây tổn hại cho lợi ích của Tập đoàn thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả thông qua cơ chế giám sát của BKS, của các thành viên HĐQT độc lập và hệ thống báo cáo quản lý nội bộ.
3. Tập đoàn cũng hạn chế tối đa việc các cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tập đoàn.

Điều 23. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tập đoàn

1. Tập đoàn cam kết tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tập đoàn.
2. Tập đoàn luôn tôn trọng và hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tập đoàn thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn và đưa ra quyết định.
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban giám đốc và BKS.
3. Là một doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam, các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội được Tập đoàn đặt làm một trong những chính sách quan trọng của Tập đoàn bên cạnh các chính sách điều hành kinh doanh khác.
4. Tập đoàn cam kết sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện tụng đã và đang hoặc có thể sẽ được tiến hành nếu họ đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý nhân viên hoặc đại diện của Tập đoàn nếu những người này hành động trung thực cẩn trọng với năng lực chuyên môn theo

phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tập đoàn trên cơ sở tuân thủ luật pháp.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 24. Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS và Ban Giám đốc

Căn cứ vào Nội quy Tập đoàn, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Tập đoàn và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng kỷ luật, Tập đoàn sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong công tác quản lý.

Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Tập đoàn, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, Hội đồng khen thưởng kỷ luật Tập đoàn xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

CHƯƠNG VIII

QUY TRÌNH, THỦ TỤC VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Khi cần thiết, HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của HĐQT.
2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (1) thành viên HĐQT độc lập làm trưởng ban.
3. Trường hợp không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử thành viên HĐQT độc lập phụ trách kiểm soát riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

CHƯƠNG IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN, CƠ CHẾ GIÁM SÁT

Điều 26. Công bố thông tin

1. Tập đoàn có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tập đoàn cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo Quy chế về công bố thông tin của Tập đoàn, quy định của pháp luật và Điều Lệ.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư, đảm bảo thông tin minh bạch,
3. Tập đoàn phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Tập đoàn theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Tập đoàn có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Giám sát

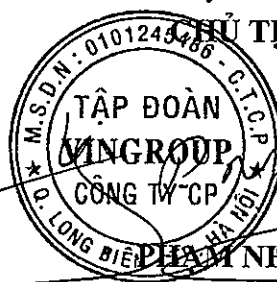
Tập đoàn, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Tập đoàn phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 28. Hiệu lực

Quy chế này gồm 9 chương với 28 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị ban hành ngày 29 tháng 5 năm 2010.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM NHẬT VƯỢNG

